TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Nguyễn Minh Thọ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, là Thư ký của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé C, sinh năm 1977 (*có mặt*)
Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1976 (*có đơn xin vắng mặt*)
Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé C trình bày:

Về hôn nhân: Anh, chị có tự tìm hiểu nhau vào năm 1992 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho anh, chị sống chung cũng trong năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến khoảng năm 2017 thì anh H chơi cờ bạc lấy tiền trong gia đình tiêu xài, chị khuyên nhiều lần nhưng anh H không nghe và anh H cũng thường xuyên bỏ nhà đi khoảng 3 - 4 ngày mới về nhà một lần, do đó luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống sinh hoạt chi tiêu hàng ngày của gia đình nên luôn phát

sinh mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trậm trọng, anh, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và anh, chi đã sống ly thân khoảng từ tháng 09/2018 đến nay.

Nay tình cảm giữa chị và anh H không hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về nuôi con chung: Có hai người con tên Nguyễn Phước H sinh ngày 06/8/1994 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 23/11/1999. Hiện nay hai người con H và L đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không thiếu nợ.

***- Bị đơn anh Nguyễn Hồng H trình bày*:**

Về hôn nhân: Anh, chị có tự tìm hiểu nhau vào năm 1992 và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới cho anh, chị sống chung cũng trong năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn vợ chồng trong cuộc sống sinh hoạt chi tiêu hàng ngày của gia đình, do đó luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẩn ngày càng trậm trọng, anh, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và anh, chị sống ly thân khoảng tháng 09/2018 đến nay, nên đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Có hai người con tên Nguyễn Phước H sinh ngày 06/8/1994 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 23/11/1999. Hiện nay hai người con H và L đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không thiếu nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Bé C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng H. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bé C và anh Nguyễn Hồng H là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đồng ý ly hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh H là phù hợp theo Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 .

Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Bé C và anh Nguyễn Hồng H trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có hai người con tên Nguyễn Phước H sinh ngày 06/8/1994 và Nguyễn Hữu L sinh ngày 23/11/1999. Hiện nay hai người con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị C và anh H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị C và anh H trình bày không thiếu nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, anh H vắng mặt, xét thấy anh H đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Bé C phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Bé C và anh Nguyễn Hồng H.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Bé C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2017/0005640 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, chị C đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hứa Quang Thông